

XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO VÀ GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

NGUYỄN ANH CƯỜNG *

PHẠM QUỐC THÀNH **

Tóm tắt: Gần 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu vượt bậc trong công tác xóa đói, giảm nghèo. Việt Nam là một trong số ít nước sớm hoàn thành chỉ tiêu xóa đói, giảm nghèo - một trong những Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDG) quan trọng nhất, được cộng đồng thế giới ghi nhận và đánh giá cao. Nếu chỉ nhìn vào các con số về thành tựu giảm nghèo, Việt Nam có thể tự hào về tốc độ giảm nghèo ngoạn mục của đất nước. Nhưng thực tế nghèo đói ở Việt Nam đang diễn biến ngày càng phức tạp, trong đó kết quả thoát nghèo là rất mong manh và không bền vững đối với rất nhiều bộ phận dân cư. Từ đó, Việt Nam đã sớm đưa ra quan điểm định hình cho cách làm của mình. Xóa đói giảm nghèo đã trở thành một chính sách xã hội trọng điểm trong suốt quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

Từ khóa: Xóa đói giảm nghèo; bất bình đẳng xã hội; quan hệ giữa đói nghèo và bất bình đẳng xã hội.

1. Mối quan hệ giữa nghèo đói và bất bình đẳng xã hội

Nghèo đói là tình trạng kiệt quệ bao gồm nhiều khía cạnh, từ thu nhập đến tính dễ bị tổn thương khi gặp phải những tai ương bất ngờ và ít có khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội. Ngân hàng Thế giới (WB) đưa ra khái niệm về nghèo đói là tình trạng “không có khả năng để đạt được mức sống tối thiểu, được đo bằng nhu cầu tiêu dùng cơ bản hoặc thu nhập cá nhân cần thiết để thỏa mãn các nhu cầu đó”. Khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân nghèo đói cho thấy người nghèo không chỉ nghèo tiền, họ còn nghèo nhiều thứ khác như: nghèo vốn con người, nghèo vốn xã hội,

thiếu sự giúp đỡ của mạng lưới an sinh xã hội... Đồng thời, là những người sống trong điều kiện thiếu thốn các nhu cầu cơ bản về: ăn, mặc, học tập, đi lại, chăm sóc sức khỏe, môi trường...

Đói nghèo liên quan chặt chẽ đến việc phân bổ dân cư không hợp lý và phân bổ tài nguyên, môi trường, xây dựng cơ sở cho sự phát triển bền vững trong tương lai. Tăng trưởng kinh tế lâu bền trong khuôn khổ phát triển bền vững là yếu tố cơ bản để xóa đói giảm nghèo.

Bất bình đẳng xã hội là sự không

(*) Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

(**) Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

bình đẳng, sự không bằng nhau về các cơ hội hoặc lợi ích đối với những cá nhân khác nhau trong một nhóm hoặc nhiều nhóm trong xã hội. Bất bình đẳng được đề cập đến ở đây là sự không bằng nhau về thu nhập và hưởng thụ các dịch vụ và lợi ích chung trong xã hội.

Trên thế giới, nghèo đói và bất bình đẳng ngày càng trở nên trầm trọng. Theo Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP)⁽¹⁾, vào cuối những năm 1980, hầu hết trong tổng số 60% số dân nghèo nhất thế giới chỉ được hưởng 5,6% thu nhập của thế giới và sống tại các nước thuộc thế giới thứ ba. 20% những người nghèo nhất chỉ chiếm 1,4% thu nhập thế giới, trong khi đó 20% những người giàu nhất, hầu hết sống tại các nước phát triển, lại chiếm đến 82,7% thu nhập của thế giới. Năm 1960, 20% số dân giàu nhất của thế giới có mức thu nhập cao gấp 30 lần thu nhập của 20% dân số nghèo nhất và năm 1995, tỷ lệ này là 82/1⁽²⁾.

Ủy ban Kinh tế về Mỹ Latinh và vùng Caribê của Liên Hợp Quốc (CEPAL) cho biết trong các giai đoạn khủng hoảng ở thập niên 1980, trong tổng số 15 nước Mỹ Latinh được theo dõi, thu nhập của 40% số dân nghèo nhất đã giảm 15 lần, trong khi đó tại tám nước, thu nhập của 10% số dân giàu nhất lại tăng lên. Các chính sách thời đó vừa làm tăng nghèo khổ, vừa tạo cơ hội cho những người có thu nhập cao làm giàu bằng cách mua tín phiếu đôla của

nhà nước. Xét toàn bộ Mỹ Latinh, trong thập niên 1980, tỷ trọng của 10% số dân giàu nhất trong thu nhập quốc dân đã tăng hơn 10%, trong khi đó tỷ trọng tương ứng của 10% số dân nghèo nhất lại giảm 15%.

Tăng trưởng cao và bền vững cùng với bất bình đẳng về thu nhập giảm đi góp phần giảm mạnh đói nghèo cả về quy mô và mức độ. Điều này được thấy rõ ở Trung Quốc, Mỹ Latinh và Việt Nam. Tại Trung Quốc, tỷ lệ người nghèo đã giảm từ 33% vào năm 1978 xuống còn 7% vào năm 1994. Tại Mỹ Latinh, giai đoạn 1993 - 1998, kinh tế phục hồi tăng trưởng và việc chấm dứt các chu kỳ siêu lạm phát đã giúp giảm số lượng người nghèo đói. Tại Việt Nam tỷ lệ nghèo đói từ 58,1% năm 1993 giảm xuống còn 10,7% năm 2010. Những thành công của Việt Nam trong xóa đói giảm nghèo phản ánh kết quả chủ yếu của chính sách phát triển đi đôi với công bằng xã hội. Trong hai thập kỷ qua, Việt Nam luôn là quốc gia có mức tăng trưởng kinh tế cao. Song song với chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho người nghèo là nhóm các chính sách hỗ trợ người nghèo tiếp cận với dịch vụ xã hội (y tế, giáo dục, pháp

⁽¹⁾ UNDP (1992), *Báo cáo về phát triển con người trên thế giới*, phần kinh tế, tr.97, <http://hdr.undp.org/en/reports/global/hdr2011/download/>.

⁽²⁾ UNDP (1998), *Báo cáo về phát triển con người trên thế giới*, phần kinh tế, tr.32.

lý, nhà ở và nước sinh hoạt), đào tạo cán bộ hỗ trợ giảm nghèo...

Tăng trưởng bất bình cũng dẫn đến gia tăng đói nghèo và bất bình đẳng. Các cuộc khủng hoảng (như ở Mêhicô tháng 12 năm 1994, ở Áchentina năm 1995, ở Châu Á năm 1997, ở Braxin cuối 1998 - 1999) đã làm gia tăng nghèo khổ, đảo ngược xu hướng giảm đói nghèo. Trong giai đoạn 1997 - 1998, tại 5 nước bị ảnh hưởng nhiều nhất là Ấnônêxia, Hàn Quốc, Malaixia, Philippin, Thái Lan, số người nghèo đã tăng thêm ít nhất 15 triệu người, tỷ lệ dân sống dưới mức nghèo khổ tại Đông Á đã tăng từ 7% lên đến 14 - 20%. Trước khi xảy ra khủng hoảng, đã có rất nhiều người nghèo khổ, với cuộc khủng hoảng, tình trạng nghèo khổ còn trở nên trầm trọng hơn. Cùng với khủng hoảng, việc phân phối thu nhập ngày càng bất bình đẳng.

WB cho rằng tăng trưởng mạnh và bền vững trên cơ sở các cuộc cải cách tự do hóa sẽ có lợi cho người nghèo. Họ cũng cho rằng đây là phương tiện tốt nhất để xóa đói giảm nghèo: “Để tăng trưởng có tác động giảm tối đa nghèo khổ, cần phải phân chia rộng rãi những thành quả của tăng trưởng... Nghèo khổ sẽ giảm bớt ngày càng nhanh nếu bản thân quá trình tăng trưởng cũng làm giảm bớt bất bình đẳng”⁽³⁾. Mặt khác, WB giải thích rằng, tăng trưởng tuy luôn giúp giảm nghèo khổ, nhưng không phải lúc nào cũng làm giảm bất bình đẳng, “tăng trưởng

nhờ thị trường sử dụng hiệu quả nhân công... có thể sẽ tạo ra bình đẳng”⁽⁴⁾. Nhưng WB cũng thừa nhận tăng trưởng cũng có thể đi kèm với việc gia tăng bất bình đẳng, và nhất là “ba hình thức bất bình đẳng rất khó loại trừ chỉ bằng chính tác động của các lực lượng thị trường: bất bình đẳng nam nữ, bất bình đẳng giữa các dân tộc và tầng lớp xã hội và bất bình đẳng giữa các vùng”⁽⁵⁾.

Xóa đói giảm nghèo đi liền với giảm bất bình đẳng có thể mang lại hai lợi ích và ba đặc trưng⁽⁶⁾. Hai lợi ích là: tăng năng suất lao động, khi năng suất lao động tăng có thể làm giảm chi phí sản xuất và cải thiện khả năng cạnh tranh của hệ thống sản xuất mà không cần phải giảm tiền lương; phát triển thị trường nội địa.

Ba đặc trưng là: các chính sách xã hội tập trung vào những người nghèo khổ “cùng cực”; các chính sách xã hội nhằm trợ giúp, từ thiện và ngày càng tư nhân hóa; các chính sách xã hội được phân cấp, có sự tham gia của người dân.

⁽³⁾ Ngân hàng Thế giới (1995), *Thúc đẩy phát triển xã hội, đóng góp của Ngân hàng Thế giới vào Hội nghị thượng đỉnh xã hội*, Washington, tr.5.

⁽⁴⁾ Ngân hàng Thế giới (1993), *Mỹ Latinh và vùng Caribê, một thập niên sau cuộc khủng hoảng nợ*, Washington, tr.51 - 52.

⁽⁵⁾ Ngân hàng Thế giới (1993), *Mỹ Latinh và vùng Caribê, một thập niên sau cuộc khủng hoảng nợ*, Washington, tr.51- 52.

⁽⁶⁾ Diễn đàn kinh tế - tài chính Việt - Pháp (2003), *Chính sách và chiến lược giảm bất bình đẳng và nghèo khổ*, Nxb Chính trị quốc gia, tr.235 - 253.

Cuộc đấu tranh xóa đói, giảm nghèo để giảm trừ bất bình đẳng không chỉ là một việc làm bình thường, mà còn là một nhu cầu đạo lý và cần phải được ưu tiên, được quan tâm. Bởi vì, bất bình đẳng xã hội cho dù có quá lớn cũng không phải luôn luôn gây trở ngại cho tăng trưởng. Công cuộc xóa đói giảm nghèo do phải phụ thuộc mạnh vào kinh tế nên nếu chỉ có quyết tâm chính trị thì chưa đủ. Điều đó có thể thấy ở một số nước Mỹ Latinh (Braxin, Mêhicô), bất bình đẳng ngày càng tăng trong những năm 1960 và 1970 lại có lợi cho các tầng lớp giàu có và trung lưu vì nó tạo điều kiện thuận lợi phát triển nhu cầu các sản phẩm tiêu dùng lâu bền trong các tầng lớp này cũng như đối với trào lưu tích lũy tài chính trong thời gian đó. Cơ chế tích lũy tài chính đã đẩy ra ngoài lề rất nhiều người, nhưng cũng kích thích tăng trưởng mạnh mẽ.

Khi giúp giảm bớt bất bình đẳng, các chính sách điều chỉnh có thể “khuyến khích các nhóm người nghèo khổ đầu tư vào nhân lực, giúp họ tăng sức sản xuất và như vậy sẽ tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế”⁽⁷⁾. Tuy nhiên, tăng trưởng chỉ là điều kiện cần chứ chưa đủ để giảm bớt bất bình đẳng. Vì vậy, không thể bắt những người nghèo khổ phải tiếp tục chờ đợi đến mức tăng trưởng cao thì mới cho họ thoát khỏi nghèo đói. Điều đó cho thấy chính sách xóa đói giảm nghèo cho những đối tượng nghèo nhất phải được tiến hành

ngay cùng với sự tăng trưởng về kinh tế.

Rõ ràng xóa đói, giảm nghèo có mối quan hệ chặt chẽ với bất bình đẳng xã hội cũng như tăng trưởng kinh tế. Để có thể làm hài hòa mối quan hệ này, Nhà nước có thể can thiệp vào lĩnh vực xã hội dưới hình thức đầu tư hàng loạt vào việc xóa đói nghèo và bất bình đẳng. Sự can thiệp này của Nhà nước có thể sẽ tạo thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế rộng khắp và bền vững.

2. Thực trạng xóa đói, giảm nghèo và giảm bất bình đẳng ở Việt Nam

Việt Nam là một trong những quốc gia thành công nhất trong công cuộc xóa đói giảm nghèo. Hơn hai thập kỷ qua, cùng với sự tăng nhanh về tổng sản phẩm quốc nội (GDP)/theo đầu người từ 105 USD năm 1990 lên hơn 1000 USD năm 2008, Việt Nam vẫn tiếp tục tiến trình giảm nghèo ấn tượng từ trên 70% vào giữa thập kỷ 1980 xuống còn 58,1% năm 1993, 28,9% vào năm 2002, 16% năm 2006, 14,5% năm 2008, 11,2% năm 2009, 10,7% năm 2010, 9,64% năm 2012⁽⁸⁾ xuống tới còn 7,6% năm 2013⁽⁹⁾. Tính trung bình, mỗi năm cả nước có

⁽⁷⁾ Ngân hàng Thế giới (1995), *Thúc đẩy phát triển xã hội, đóng góp của Ngân hàng Thế giới vào Hội nghị thượng đỉnh xã hội*, Washington, tr.11.

⁽⁸⁾ Nguồn: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, <http://www.molisa.gov.vn/news/detail/tabid/75/newsid/56932/language/vi-VN/Default.aspx>

⁽⁹⁾ Việt Nam đạt nhiều thành tựu trong xóa đói, giảm nghèo (2014), <http://baodientu.chinhphu.vn/Doi-song/Viet-Nam-dat-nhieu-thanh-tuu-trong-xoa-doi-giam-ngheo/196176.vgp>

khoảng 1,8 triệu người thoát nghèo, từ con số 40 triệu người nghèo vào năm 1993 đã giảm xuống còn 12,5 triệu người nghèo vào năm 2008⁽¹⁰⁾. Đến năm 2013 đã có hơn 30 triệu người thoát nghèo⁽¹¹⁾. Tính theo phương pháp nghèo lương thực, tỷ lệ người suy dinh dưỡng ở Việt Nam đã giảm từ 24,9% năm 1993 xuống 10,9% năm 2002 và 6,9% năm 2008. Tính theo chuẩn nghèo dưới 1 USD/ngày của Ngân hàng Thế giới, tỷ lệ người nghèo ở Việt Nam đã giảm từ 39,9% năm 1993 xuống còn 4,1% vào năm 2008. Kết quả này đã giúp Việt Nam hoàn thành trước thời hạn một trong những Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDG) quan trọng nhất và được thế giới đánh giá cao.

Tuy nhiên, căn cứ theo chuẩn nghèo chung của Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Thế giới, thì tỷ lệ nghèo chung theo chỉ tiêu ở Việt Nam mặc dù đã có xu hướng giảm, nhưng vẫn ở mức cao và tốc độ giảm nghèo đang chậm dần. Đáng lưu ý, tỷ lệ nghèo ở khu vực nông thôn rất lớn, khoảng cách nghèo giữa nông thôn và thành thị ngày càng dãn ra: nếu năm 1998, tỷ lệ nghèo ở khu vực nông thôn cao gấp 4,9 lần khu vực thành thị thì đến năm 2006 tỷ lệ này là 5,2 và đến năm 2008 tăng lên mức 5,7. Từ năm 2008 đến nay, bất bình đẳng thu nhập đang chững lại. Tuy nhiên, xét theo vùng miền, bất bình đẳng thu nhập ở khu vực nông thôn, vùng Đông Bắc, Duyên hải Nam Trung Bộ đang gia tăng

liên tục bởi chênh lệch về thu nhập giữa nhóm có thu nhập thấp nhất và cao nhất cũng được dãn ra. Nếu năm 2002, chênh lệch giữa nhóm có thu nhập cao nhất và thấp nhất khu vực nông thôn và vùng Tây Bắc chỉ là 6 lần; vùng Đông Bắc là 6,2 lần; vùng Tây Nguyên là 6,4 lần thì đến năm 2010, mức chênh lệch này ở vùng nông thôn là 7,5 lần, còn đối với các vùng Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên tương ứng là 8,2, 7,2, và 8,3 lần.

Theo Báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, qua 10 năm thực hiện chiến lược toàn diện về tăng trưởng và giảm nghèo thì chênh lệch mức sống giữa thành thị và nông thôn đã giảm từ 2,3 lần (năm 1999) xuống còn 2 lần (năm 2008). Chất lượng cuộc sống của những người nghèo được cải thiện. Sự thiếu hụt tiêu dùng của người nghèo ở mức trung bình so với ngưỡng nghèo, được đo bằng tỷ lệ khoảng cách nghèo (PGI) đã giảm liên tục từ 18,5% vào năm 1993 xuống mức rất thấp là 3,5% vào năm 2008. Mức độ trầm trọng của nghèo đói (SPGI) giành cho nhóm người nghèo nhất ở Việt Nam cũng giảm liên tục từ 7,9% năm 1993 xuống còn 1,2% vào năm 2008. Các chỉ số phi

⁽¹⁰⁾ Millennium development goals 2010 national report, Hà Nội.

⁽¹¹⁾ Nguyễn Hồng Điệp (2013), Xóa đói giảm nghèo- thành tựu trong bảo đảm quyền con người, <http://www.vietnamplus.vn/xoa-doi-giam-ngheo-thanh-tuu-trong-bao-dam-quyen-con-nguoi/233951.vnp>.

thu nhập (như sự tiếp cận của người nghèo đến các dịch vụ cơ bản và cơ sở hạ tầng như giáo dục, y tế, điện, đường, nước sạch, vệ sinh môi trường) cũng khẳng định xu hướng tích cực này. Nếu vào năm 1993, chưa đến 37% người nghèo được sử dụng điện, thì đến năm 2010 đã có khoảng 90% người nghèo được sử dụng điện. Những phương tiện khác như radio, tivi cũng tăng lên rõ rệt và người nghèo đang bỏ dần các phương tiện giải trí và truyền thông cũ để chuyển sang các phương tiện hiện đại.

Phần lớn kết quả đạt được trong lĩnh vực xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam là do tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm cao (8 - 9%) vào đầu thập kỷ 1990 và cụ thể là do sự phát triển mạnh mẽ trong nông nghiệp kể từ cuối thập kỷ 1980. Luật Doanh nghiệp năm 2000 đã tạo điều kiện cho khoảng 60.000 doanh nghiệp ra đời và tạo ra khoảng 1,5 triệu công việc cũng góp phần quan trọng và việc tạo thu nhập và giảm nghèo thông qua việc hỗ trợ kinh tế tư nhân và việc làm trong khu vực phi nông nghiệp.

Nghèo đói đi liền với bất bình đẳng là một đặc điểm thường thấy ở Việt Nam. Tuy nhiên, sự bất bình đẳng đó sẽ có những mức độ khác nhau khi so sánh ở đối tượng và các vùng, miền khác nhau.

Về đối tượng, tình trạng nghèo sâu, nghèo kinh niên tập trung vào đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực đặc biệt khó khăn. Đây là nhóm dân cư có tốc độ giảm nghèo chậm, luôn đứng

trước nguy cơ tái nghèo. Cũng như có những điều kiện khác xa với người nghèo đô thị. Có tình trạng nghèo đói mới xuất hiện, đó là nghèo đói thành thị, đặc biệt là ở nhóm dễ bị thương tổn nhất, như người lao động nhập cư và các gia đình nhập cư. Những người này có nhiều nguy cơ nghèo khó gấp đôi, tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh. Đây là lĩnh vực Việt Nam cần theo dõi và giải quyết.

Về phân bố, tình trạng nghèo và chậm phát triển của Việt Nam tập trung chủ yếu ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng bãi ngang ven biển; trong đó “lõi nghèo” tập trung nhiều ở khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ.

Nghèo đói tập trung ở vùng nông thôn. Nghèo đói hiện nay vẫn là hiện tượng của khu vực nông thôn, đặc biệt các vùng miền núi với hơn 95% người nghèo nằm ở khu vực nông thôn. Nghèo còn rất phổ biến trong các nhóm dân tộc thiểu số ở các vùng xa xôi. Theo số liệu rà soát hộ nghèo 2005 - 2009 tại các xã theo chuẩn nghèo hiện hành của Chính phủ, trong số thôn bản khảo sát cho thấy, có những thôn có tỷ lệ nghèo rất thấp dưới 10%, và có những thôn có tỷ lệ nghèo rất cao trên 70 - 80%. Nếu chia theo nhóm dân tộc, thì các thôn bản người Raglai, Kh'mú, H'Mông và Vân Kiều ở các vùng miền núi xa xôi thường có tỷ lệ nghèo cao trên 50%.

Nếu chỉ nhìn vào các con số về thành tựu giảm nghèo ở Việt Nam, chúng ta có

thể tự hào về tốc độ giảm nghèo ngoạn mục trong gần 30 năm qua của đất nước. Nhưng những con số về PGI và SPGI theo đánh giá của Tổng cục Thống kê Việt Nam cũng như theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới cho thấy rằng, thực tế nghèo đói ở Việt Nam đang diễn biến ngày càng phức tạp, trong đó kết quả thoát nghèo là rất mong manh và không bền vững đối với rất nhiều bộ phận dân chúng. Điều này đòi hỏi Việt Nam càng cần phải nỗ lực hơn nữa trong những giải pháp xóa đói, giảm nghèo đi cùng với tiến bộ và công bằng xã hội.

3. Kinh nghiệm xóa đói giảm nghèo và giảm bất bình đẳng

Để có được những kết quả khả quan và đáng mừng trong suốt gần 30 năm nỗ lực đấu tranh xóa đói giảm nghèo và bất bình đẳng, Việt Nam đã sớm đưa ra quan điểm xuyên suốt định hình cho cách làm của mình. Điều này được thể hiện rõ trong Cương lĩnh phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1991) là tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng thời kỳ và từng chính sách phát triển. Từ quan điểm ấy, xóa đói giảm nghèo đã trở thành một chính sách xã hội trọng điểm trong suốt quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Hội nghị Trung ương lần thứ 5 khóa VII (tháng 6 năm 1993), đã đề ra chủ trương xóa đói giảm nghèo trong chiến lược phát triển nông thôn, nông

ng nghiệp và nông dân cũng như trong chiến lược phát triển chung của xã hội. Đại hội lần thứ VIII (tháng 6 năm 1996) của Đảng nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của công tác xóa đói giảm nghèo, xác định phải nhanh chóng đưa các hộ nghèo thoát ra khỏi hoàn cảnh túng thiếu và sớm hòa nhập với sự phát triển chung của đất nước.

Tuy nhiên, Việt Nam cũng nhận thấy, không thể chỉ theo đuổi mục tiêu giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo mà cần giữ vững kết quả giảm nghèo đã đạt được, tăng khả năng bền vững, hiệu quả của công tác giảm nghèo. Vì vậy, quan điểm giảm nghèo bền vững đã được đề cập và thể hiện trong Nghị quyết Đại hội IX (tháng 4 năm 2001) của Đảng là: “Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói giảm nghèo. Quan tâm xây dựng kết cấu hạ tầng cho các vùng nghèo, xã nghèo; đồng thời nâng cấp, cải tạo các tuyến trục giao thông nối vùng nghèo, xã nghèo với nơi khác, tạo điều kiện thuận lợi cho vùng nghèo, vùng khó khăn phát triển. Đi đôi với việc xây dựng kết cấu hạ tầng, phải rất coi trọng việc tạo nguồn lực cần thiết để dân cư ở các vùng nghèo, xã nghèo đẩy mạnh sản xuất, phát triển ngành nghề, tăng nhanh thu nhập... Nâng dần mức sống của các hộ đã thoát nghèo, tránh tình trạng tái nghèo”⁽¹²⁾.

⁽¹²⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, tr.299.

Nghị quyết Đại hội X (tháng 4 năm 2006) của Đảng chỉ rõ: “Đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức thực hiện xóa đói, giảm nghèo theo hướng phát huy cao độ nội lực và kết hợp sử dụng có hiệu quả sự trợ giúp của quốc tế. Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và trợ giúp về điều kiện sản xuất, nâng cao kiến thức để người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo tự vươn lên thoát nghèo và cải thiện mức sống một cách bền vững; kết hợp chính sách của Nhà nước với sự giúp đỡ trực tiếp và có hiệu quả của toàn xã hội, của những người khá giả cho người nghèo, hộ nghèo, nhất là đối với những vùng đặc biệt khó khăn”⁽¹³⁾.

Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI (tháng 1 năm 2011) quan tâm công tác xóa đói, giảm nghèo đồng thời với chống bất bình đẳng xã hội: “Thực hiện có hiệu quả hơn chính sách giảm nghèo phù hợp với từng thời kỳ; đa dạng hóa nguồn lực và phương thức để đảm bảo giảm nghèo bền vững, nhất là tại các huyện nghèo nhất và các vùng đặc biệt khó khăn. Khuyến khích làm giàu theo pháp luật, tăng nhanh số hộ có thu nhập trung bình khá trở lên. Có các chính sách và giải pháp phù hợp nhằm hạn chế phân hóa giàu nghèo, giảm chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị”⁽¹⁴⁾.

Quán triệt các nghị quyết của Đảng, trong quá trình thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo, giảm bất bình đẳng và

phát triển bền vững, Việt Nam đã triển khai toàn diện nhiều chính sách, chương trình, dự án nhằm hướng đến 3 mục tiêu trọng tâm: *thứ nhất*, tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo (y tế, giáo dục, dạy nghề, nhà ở, nước sinh hoạt); *thứ hai*, tạo việc làm và thu nhập thông qua các chính sách bảo đảm đất sản xuất, ưu đãi tín dụng, khuyến nông - lâm - ngư, phát triển ngành nghề; *thứ ba*, phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

Thực hiện nhất quán và kiên trì quan điểm của Đảng qua các thời kỳ, Việt Nam đã tích lũy được những kinh nghiệm quan trọng về xóa đói, giảm nghèo và bất bình đẳng. Đó là:

- Việt Nam hiểu rõ giảm nghèo không chỉ đơn thuần là một chính sách xã hội, mà nó được nâng lên tầm là mục tiêu phát triển có tính ưu tiên. Đặt trong mối quan hệ hài hòa với tăng trưởng kinh tế, tiến bộ và công bằng xã hội, chính sách giảm nghèo luôn được đặt trên nền tảng phát triển kinh tế của từng thời kỳ, và ngược lại, sự liên kết chính sách cũng có vai trò quan trọng để đóng góp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Bởi vậy, một trong những thành tựu nổi bật của Việt Nam

⁽¹³⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, tr.217.

⁽¹⁴⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, tr.124 - 125.

được cộng đồng quốc tế ghi nhận là trong khi bảo đảm duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, ổn định thì đồng thời Việt Nam cũng hạn chế được tốc độ gia tăng bất bình đẳng xã hội.

- Dựa trên ý chí quyết tâm và sự đồng thuận của toàn bộ hệ thống chính trị, các cơ chế, chính sách giảm nghèo được ban hành một cách tích cực và có tính toàn diện, phù hợp với đặc điểm, bản chất nghèo của đối tượng thụ hưởng. Trừ các hộ nghèo đói đang cần hỗ trợ ngay, đối với các hộ nghèo nói chung chính quyền chỉ nên hỗ trợ trong công tác sản xuất, đào tạo nghề để tạo việc làm, thay vì cung cấp gạo, nước, tài chính cho họ nhằm nâng cao ý thức tự giác và chủ động thoát nghèo của người dân. Trong chính sách xóa đói giảm nghèo, người nghèo phải là chủ thể, do vậy các nhóm chính sách được thiết kế để hộ nghèo, xã nghèo, huyện nghèo không chỉ cải thiện cuộc sống, mà còn có thể sinh lợi vươn lên thoát nghèo bền vững từ chính mảnh đất họ đang sinh sống. Do vậy, chính quyền các cấp cần phải nâng cao khả năng nhận thức của người nghèo và cận nghèo để giúp họ có ý thức phát huy hết khả năng lao động, rèn luyện tay nghề, nâng cao kiến thức và tích cực chuyển đổi phương thức sản xuất và cơ cấu kinh tế gia đình, tiếp cận thông tin và thị trường, học hỏi tiến bộ kỹ thuật... để thoát nghèo bền vững.

- Quá trình điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo năng động, linh hoạt với các mục

tiêu cụ thể và nhiều giải pháp phù hợp có tính đến yếu tố vùng miền, tập quán dân cư, cộng đồng (các chương trình giảm nghèo ngành, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng...).

- Nguồn lực để thực hiện công tác giảm nghèo sẽ được huy động tối đa, không chỉ bằng ngân sách nhà nước mà còn huy động được sự tham gia với tinh thần trách nhiệm cao của các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty nhà nước, các ngân hàng thương mại..., và đặc biệt từ chính bản thân người nghèo. Có nhiều phương thức hỗ trợ người nghèo như: hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ về nhà ở, hỗ trợ về cung cấp và tạo điều kiện duy trì với các loại dịch vụ, hỗ trợ về giao đất, giao rừng, hỗ trợ về đào tạo nguồn nhân lực...

- Xây dựng một hệ thống phúc lợi xã hội toàn diện. Bảo hiểm xã hội là một chính sách tốt, nhưng quan trọng quỹ bảo hiểm xã hội phải được đảm bảo về tài chính, được quản lý tốt và chi tiêu đúng mục đích. Hiện quỹ này chỉ mới giành cho những người có công việc ổn định, nhưng trong thời gian tới rất cần phải có phương án mở rộng cho những người không có việc làm ổn định. Bên cạnh đó, những cơ hội tiếp cận với các hình thức phúc lợi xã hội như giáo dục, y tế cần được mở rộng hơn nữa để người nghèo và cận nghèo không bị tách biệt khỏi cộng đồng và tránh được những tổn thương về mặt kinh tế khi công việc không ổn định hay gặp khó khăn về sức khỏe, bệnh tật.

